

BẢNG THUYẾT MINH CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ LƯU HỌC SINH LÀO, CAMPUCHIA

STT	Nội dung	Thông tư số 24/2018/TT-BTC ngày 12/3/2018 hướng dẫn quản lý kinh phí đào tạo cho lưu học sinh Lào, Campuchia (điện Hiệp định) học tập tại Việt Nam	Nghị định số 81/2021/ND-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; Nghị định số 97/2023/ND-CP của Chính phủ: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/ND-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021, ví dụ một số ngành đào tạo:	Quyết định số 3151/QĐ-UBND ngày 23/8/2023 của UBND tỉnh Bình Định (trước sắp xếp)	Thông tư số 75/2023/TT-BTC ngày 28/12/2023 quản lý kinh phí đào tạo cho lưu học sinh Lào, Campuchia (điện Hiệp định) học tập tại Việt Nam sử dụng nguồn vốn viện trợ của Chính phủ Việt Nam	Nghị định số 238/2025/ND-CP của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.	Nghị quyết đề nghị ban hành	Thuyết minh			
1	Hỗ trợ học phí (bao gồm cả khóa học bồi dưỡng tiếng Việt để thi tuyển, xét tuyển vào các hệ đào tạo)	<p>2. Định mức chi</p> <p>a) Lưu học sinh hệ đào tạo dài hạn: 2.576.000 đồng/người/tháng.</p> <p>b) Lưu học sinh hệ đào tạo ngắn hạn: 5.485.000 đồng/người/tháng.</p>	<p>- Đào tạo ngành cao đẳng được, điều dưỡng: học phí 2021-2022 là 1.140.000 đ/tháng; học phí 2024-2025 là 2.324.000đ/tháng.</p> <p>- Đào tạo liên thông lên cao đẳng ngành kỹ thuật và công nghệ thông tin: học phí 2021-2022 là 940.000 đồng/tháng; học phí 2024-2025 là 1.992.000 đồng/tháng.</p> <p>- Khối ngành V đại học -Toán, thống kê máy tính, công nghệ thông tin, công nghệ kỹ thuật, kỹ thuật, sản xuất và chế biến, kiến trúc và xây dựng, nông lâm nghiệp và thủy sản, thú y: học phí năm học 2021-2022 là 1.170.000 đồng/tháng, học phí năm học 2024-2025 là 1.640.000 đồng/tháng.</p> <p>- Khóa học tiếng Việt: năm học 2021-2022 là 980.000đồng/tháng, năm 2024-2025 là 1.500.000 đồng/tháng.</p>	<p>1. Học phí: Theo mức thu học phí của các Trường quy định và không vượt mức trần học phí quy định tại Nghị định số 81/2021/ND-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo</p>	<p>2. Định mức chi</p> <p>a) Hệ đào tạo dài hạn: Không vượt quá 3.350.000 đồng/người/tháng.</p> <p>b) Hệ đào tạo ngắn hạn: Không vượt quá 7.150.000 đồng/người/tháng.</p>	<p>- Đào tạo ngành cao đẳng được, điều dưỡng: năm học 2025-2026 là 2.380.000đ/tháng; năm học 2026-2027 là 2.800.000đ/tháng.</p> <p>- Đào tạo liên thông lên cao đẳng ngành kỹ thuật và công nghệ thông tin: học phí 2025-2026 là 2.040.000 đồng/tháng; 2026-2027 là 2.400.000 đồng/tháng</p> <p>- Khối ngành V đại học -Toán, thống kê máy tính, công nghệ thông tin, công nghệ kỹ thuật, kỹ thuật, sản xuất và chế biến, kiến trúc và xây dựng, nông lâm nghiệp và thủy sản, thú y: học phí năm học 2025-2026 là 1.850.000 đồng/tháng; năm học 2026-2027 là 2.090.000 đồng/tháng.</p> <p>- Khóa học tiếng Việt: năm 2025-2026 là 1.690.000 đồng/tháng, năm 2026-2027 là 1.910.000 đồng/tháng.</p>	<p>Hỗ trợ học phí (bao gồm cả khóa học bồi dưỡng tiếng Việt để thi tuyển, xét tuyển vào các hệ đào tạo): Theo mức thu học phí của các Trường quy định và không vượt mức học phí theo quy định tại Nghị định số 238/2025/ND-CP của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.</p>	<p>Nghị định 238/2025/ND-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ thay thế Nghị định số 81/2021/ND-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ, tại Nghị định chi quy định mức trần học phí của 02 năm học 2025-2026 và 2026-2027, từ năm học 2027 - 2028 trở đi, mức trần học phí được điều chỉnh phù hợp với khả năng chi trả của người dân, điều kiện kinh tế - xã hội nhưng tối đa không vượt quá tổng chi số giá tiêu dùng tại thời điểm xác định mức học phí so với cùng kỳ năm trước do cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố. Riêng đối với Trường Đại học Quy Nhơn dự kiến nâng mức độ tự chủ thành đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên, Trường Đại học Quy Nhơn dự kiến tăng 1,5 lần học phí mỗi năm từ năm học 2027-2028, do vậy Sở Tài chính không đưa vào quy định vượt mức trần học phí và đề nghị tiếp tục hỗ trợ học phí theo quy định tại Quyết định số 3151/QĐ-UBND ngày 23/8/2023</p> <table border="1" data-bbox="1533 641 1969 933"> <tr> <td data-bbox="1533 641 1669 933"> <p>Năm 2025: Chi hỗ trợ học phí với tổng số tiền là: 2.979.983.380 đồng.</p> </td> <td data-bbox="1669 641 1837 933"> <p>Năm 2026: Dự kiến kinh phí hỗ trợ học phí là: 5.452.393.000 đồng, trong đó học phí của 168 sinh viên chưa tốt nghiệp giai đoạn 2021-2025 là 3.098.576.500 đồng; Học phí của 140 sinh viên nhập học từ tháng 09/2026 là 3.838.918.500 đồng</p> </td> <td data-bbox="1837 641 1969 933"> <p>Năm 2027: Dự kiến kinh phí hỗ trợ học phí của 125 sinh viên chưa tốt nghiệp giai đoạn 2021-2025 là 3.098.576.500 đồng; Học phí của 140 sinh viên nhập học từ tháng 09/2026; 140 sinh viên nhập học từ tháng 09/2027 là 4.653.260.000 đồng</p> </td> </tr> </table>	<p>Năm 2025: Chi hỗ trợ học phí với tổng số tiền là: 2.979.983.380 đồng.</p>	<p>Năm 2026: Dự kiến kinh phí hỗ trợ học phí là: 5.452.393.000 đồng, trong đó học phí của 168 sinh viên chưa tốt nghiệp giai đoạn 2021-2025 là 3.098.576.500 đồng; Học phí của 140 sinh viên nhập học từ tháng 09/2026 là 3.838.918.500 đồng</p>	<p>Năm 2027: Dự kiến kinh phí hỗ trợ học phí của 125 sinh viên chưa tốt nghiệp giai đoạn 2021-2025 là 3.098.576.500 đồng; Học phí của 140 sinh viên nhập học từ tháng 09/2026; 140 sinh viên nhập học từ tháng 09/2027 là 4.653.260.000 đồng</p>
<p>Năm 2025: Chi hỗ trợ học phí với tổng số tiền là: 2.979.983.380 đồng.</p>	<p>Năm 2026: Dự kiến kinh phí hỗ trợ học phí là: 5.452.393.000 đồng, trong đó học phí của 168 sinh viên chưa tốt nghiệp giai đoạn 2021-2025 là 3.098.576.500 đồng; Học phí của 140 sinh viên nhập học từ tháng 09/2026 là 3.838.918.500 đồng</p>	<p>Năm 2027: Dự kiến kinh phí hỗ trợ học phí của 125 sinh viên chưa tốt nghiệp giai đoạn 2021-2025 là 3.098.576.500 đồng; Học phí của 140 sinh viên nhập học từ tháng 09/2026; 140 sinh viên nhập học từ tháng 09/2027 là 4.653.260.000 đồng</p>									
2	Hỗ trợ mua thẻ Bảo hiểm y tế	Không quy định		<p>Bảo hiểm y tế: Mức lương cơ sở x 4,5%/người/tháng</p>	<p>Đã bao gồm trong kinh phí đào tạo</p>		<p>Hỗ trợ mua thẻ Bảo hiểm y tế: Hỗ trợ 100% mức đóng thẻ Bảo hiểm y tế cho lưu học sinh Lào, lưu học sinh Campuchia theo quy định của pháp luật hiện hành. Mức đóng thẻ Bảo hiểm y tế thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Nghị định 188/2025/ND-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế.</p>	<p>Tại khoản 4 Điều 6 Nghị định 188/2025/ND-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế quy định: <i>Mức đóng hằng tháng của đối tượng quy định tại khoản 4 Điều 12 của Luật Bảo hiểm y tế và khoản 4 Điều 5 Nghị định này bằng 4,5% mức lương cơ sở do đối tượng tự đóng và được ngân sách nhà nước hỗ trợ một phần mức đóng theo quy định tại khoản 6 Điều này.</i> Do vậy chi mua thẻ Bảo hiểm y tế cho 01 sinh viên: 4,5% x 12 tháng x 2.530.000 đồng = 1.366.200 đồng/năm</p> <table border="1" data-bbox="1533 1088 1969 1172"> <tr> <td data-bbox="1533 1088 1669 1172"> <p>Năm 2025: Chi hỗ trợ mua thẻ BHYT với tổng số tiền là: 166.797.600 đồng.</p> </td> <td data-bbox="1669 1088 1837 1172"> <p>Năm 2026: Chi hỗ trợ mua thẻ BHYT với tổng số tiền là: 277.145.100 đồng.</p> </td> <td data-bbox="1837 1088 1969 1172"> <p>Năm 2027: Chi hỗ trợ mua thẻ BHYT với tổng số tiền là: 491.832.000 đồng.</p> </td> </tr> </table>	<p>Năm 2025: Chi hỗ trợ mua thẻ BHYT với tổng số tiền là: 166.797.600 đồng.</p>	<p>Năm 2026: Chi hỗ trợ mua thẻ BHYT với tổng số tiền là: 277.145.100 đồng.</p>	<p>Năm 2027: Chi hỗ trợ mua thẻ BHYT với tổng số tiền là: 491.832.000 đồng.</p>
<p>Năm 2025: Chi hỗ trợ mua thẻ BHYT với tổng số tiền là: 166.797.600 đồng.</p>	<p>Năm 2026: Chi hỗ trợ mua thẻ BHYT với tổng số tiền là: 277.145.100 đồng.</p>	<p>Năm 2027: Chi hỗ trợ mua thẻ BHYT với tổng số tiền là: 491.832.000 đồng.</p>									

STT	Nội dung	Thông tư số 24/2018/TT-BTC ngày 12/3/2018 hướng dẫn quản lý kinh phí đào tạo cho lưu học sinh Lào, Campuchia (điện Hiệp định) học tập tại Việt Nam	Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; Nghị định số 97/2023/NĐ-CP của Chính phủ; Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021, vì dự một số ngành đào tạo;	Quyết định số 3151/QĐ-UBND ngày 23/8/2023 của UBND tỉnh Bình Định (trước sắp xếp)	Thông tư số 75/2023/TT-BTC ngày 28/12/2023 quản lý kinh phí đào tạo cho lưu học sinh Lào, Campuchia (điện Hiệp định) học tập tại Việt Nam sử dụng nguồn vốn viện trợ của Chính phủ Việt Nam	Nghị định số 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.	Nghị quyết đề nghị ban hành	Thuyết minh □			
3	Hỗ trợ chi phí sinh hoạt (tài liệu, tiền ăn, đi lại, chỗ ở)	<p>Điều 5. Chi sinh hoạt phí</p> <p>1. Nội dung chi: sinh hoạt phí cho lưu học sinh.</p> <p>2. Định mức chi</p> <p>- Lưu học sinh đào tạo dài hạn hệ trung học: 3.080.000 đồng/người/tháng.</p>		<p>Hỗ trợ tiền tài liệu, sinh hoạt phí, đi lại, chỗ ở:</p> <p>3.080.000 đồng/người/tháng.</p>	<p>Điều 5. Chi sinh hoạt phí</p> <p>Chi sinh hoạt phí gồm phụ cấp tiêu vật và tiền ăn, được cơ sở đào tạo cấp cho lưu học sinh theo định mức sau:</p> <p>1. Lưu học sinh đào tạo dài hạn hệ trung học phổ thông, bao gồm cả khóa học dự bị tiếng Việt để thi tuyển, xét tuyển vào hệ trung học phổ thông:</p> <p>4.300.000 đồng/người/tháng.</p> <p>2. Lưu học sinh đào tạo dài hạn hệ trung cấp, cao đẳng nghề; đại học, bao gồm cả khóa học dự bị tiếng Việt để thi tuyển, xét tuyển vào các hệ này: 4.750.000 đồng/người/tháng.</p>		<p>3. Hỗ trợ chi phí sinh hoạt (tài liệu, tiền ăn, đi lại, chỗ ở): 3.080.000 đồng/người/tháng.</p>	<p>Vi Học phí theo quy định tăng gấp đôi so với giai đoạn 2021-2025 và căn cứ quy định tại điểm b, khoản 8 Điều 7, Nghị định 305/2025/NĐ-CP quy định: "<i>Tổng mức viện trợ của địa phương Việt Nam cho các địa phương nước ngoài trong một năm không vượt quá 10% dự phòng ngân sách địa phương cấp tỉnh</i>". Sở Tài chính đề nghị giữ nguyên mức hỗ trợ thực hiện chi sinh hoạt phí đã triển khai giai đoạn 2021-2025</p> <p>Chi sinh hoạt phí năm 2025 là 5.381.110.000 đồng.</p> <p>Sinh viên lao theo bản ghi nhớ hợp tác giai đoạn 2021-2025: 168 sinh viên;</p> <p>Sinh viên dự kiến nhập học năm học 2026-2027 là 140 sinh viên, kinh phí năm 2026 dự kiến là (157 x 12+11x6+140x4) x 3.080.000 = 7.730.800.000 đồng, tăng so với năm 2025 là 2.349.690.000 đồng</p>			
4	Hỗ trợ phí cấp thị thực	Không quy định		Không quy định	Chi phí gia hạn thị thực bao gồm trong kinh phí đào tạo		<p>4. Hỗ trợ phí cấp thị thực: 3.385.000 đồng/sinh viên</p>	<p>Tại Điểm 2, Mục III Báo cáo số 72/BC-UBND ngày 15/4/2026 báo cáo kết quả chuyển công tác của Đoàn công tác tỉnh Gia Lai đi thăm, làm việc và chúc Tết cổ truyền Chol Chnam Thmay tại Vương quốc Campuchia từ ngày 06/4/2026 đến ngày 09/4/2026, theo đó UBND tỉnh giao nhiệm vụ Sở Tài chính: <i>Tham mưu, trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện các nội dung hợp tác đã ký kết theo kế hoạch của UBND tỉnh, gồm: Hỗ trợ xây dựng các công trình hữu nghị tại các tỉnh Preah Vihear, Ratanakiri, Stung Treng: kinh phí cấp học bổng toàn phần (Bảo gồm cả lệ phí xin cấp visa) cho sinh viên các tỉnh Preah Vihear, Ratanakiri, Stung Treng; hỗ trợ kinh phí sửa chữa, nâng cấp Tượng đài hữu nghị Việt Nam - Campuchia tại tỉnh Stung Treng; kinh phí hỗ trợ, triển khai các nội dung đối ngoại, hợp tác khác theo quy định; Tại Biên bản ghi nhớ hợp tác giai đoạn 2026-2030 giữa UBND tỉnh Gia Lai với Ủy ban chính quyền các tỉnh nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào: Tỉnh Gia Lai hỗ trợ chi phí làm thị thực (visa) cho sinh viên tỉnh SeKong; Salavan; Champasak; Attapeu sang học tập tại các trường trên địa bàn tỉnh Gia Lai thuộc diện nhận học bổng do tỉnh Gia Lai cấp (chi phí hỗ trợ này sẽ được hoàn trả theo mức thu của cơ quan chức năng sau khi sinh viên đã nhập học tại tỉnh Gia Lai).</i></p> <p>. Tại Thông tư 28/2026/TT-BTC quy định: Loại có giá trị trên 180 ngày đến 01 năm là 135 USD/chiếc; Loại có giá trị trên 02 năm đến 05 năm là 155 USD/chiếc. Đề xuất hỗ trợ thống nhất mức cụ thể là 135 USD x 25.073đ/USD ~ 3.385.000 đồng (tỷ giá theo thông báo của Kho bạc nhà nước tại Công văn số 1794/TB- KBNN ngày 31/3/2026).</p> <table border="1" data-bbox="1535 1149 1976 1235"> <tr> <td>Năm 2025: Không quy định</td> <td>Năm 2026: (168+140) x 3.385.000 đồng = 1.042.580.000 đồng</td> <td>Năm 2027: 140 sinh viên x 3.385.000 đồng = 473.900.000 đồng</td> </tr> </table>	Năm 2025: Không quy định	Năm 2026: (168+140) x 3.385.000 đồng = 1.042.580.000 đồng	Năm 2027: 140 sinh viên x 3.385.000 đồng = 473.900.000 đồng
Năm 2025: Không quy định	Năm 2026: (168+140) x 3.385.000 đồng = 1.042.580.000 đồng	Năm 2027: 140 sinh viên x 3.385.000 đồng = 473.900.000 đồng									
	Hỗ trợ ngày Tết cổ truyền						<p>a) Hỗ trợ cho lưu học sinh Lào, Lưu học sinh Campuchia ở lại Việt Nam trong những ngày Tết cổ truyền của Việt Nam: 3.000.000 đồng/người.</p>	<p>- Năm 2025: mức hỗ trợ Tết Lào là 200.000đ/sinh viên, năm 2026 mức hỗ trợ Tết Lào là 300.000đ/sinh viên, Sở Tài chính đề xuất mức hỗ trợ 600.000đ/sinh viên theo mức chi mới com tại Nghị quyết của HĐND tỉnh.</p> <p>- Năm 2026, hỗ trợ cho sinh viên tỉnh Champasak nước CHDCND Lào Tết âm lịch với số tiền là 2.500.000 đồng/người. Sở Tài chính đề xuất mức hỗ trợ 600.000đ/ngày/người theo mức chi mới com tại Nghị quyết của HĐND tỉnh, Tết âm lịch theo quy định Luật lao động là 5 ngày, do đó định mức là 600.000 đồng x 5 ngày = 3 triệu đồng, dự kiến khoảng 30% sinh viên Lào, Campuchia ở lại Việt Nam trong những ngày Tết cổ truyền Việt Nam.</p>			

STT	<p>Nội dung</p> <p>của Việt Nam và Tết cổ truyền của Lào, Campuchia</p>	<p>Thông tư số 24/2018/TT-BTC ngày 12/3/2018 hướng dẫn quản lý kinh phí đào tạo cho lưu học sinh Lào, Campuchia (diện Hiệp định) học tập tại Việt Nam</p> <p>Quy định chung trong định mức kinh phí đào tạo</p>	<p>Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; Nghị định số 97/2023/NĐ-CP của Chính phủ: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021, vì dự một số ngành đào tạo:</p>	<p>Quyết định số 3151/QĐ-UBND ngày 23/8/2023 của UBND tỉnh Bình Định (trước sắp xếp)</p> <p>Không quy định</p>	<p>Thông tư số 75/2023/TT-BTC ngày 28/12/2023 quản lý kinh phí đào tạo cho lưu học sinh Lào, Campuchia (diện Hiệp định) học tập tại Việt Nam sử dụng nguồn vốn viện trợ của Chính phủ Việt Nam</p> <p>Quy định chung trong định mức kinh phí đào tạo</p>	<p>Nghị định số 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.</p>	<p>Nghị quyết đề nghị ban hành</p> <p>b) Hỗ trợ cho lưu học sinh Lào tổ chức Tết cổ truyền của Lào tại Việt Nam, lưu học sinh Campuchia để tổ chức Tết cổ truyền của Campuchia tại Việt Nam: 600.000 đồng/người.</p>	<p>Thuyết minh □</p>		
							<p>Năm 2026 tăng ít hơn năm 2027 vì:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đến tháng 9/2026, dự kiến lưu học sinh Lào, Campuchia mới làm thủ tục nhập học, do vậy năm 2026 chỉ tính 04 tháng hỗ trợ cho 140 lưu học sinh giai đoạn 2026-2030; năm 2027 lưu học sinh tính đủ 12 tháng). - Học phí năm 2027 tăng so với năm 2026, 2025 theo quy định tại Nghị định 238/2025/NĐ-CP. - Lương cơ sở tăng, năm 2026, lương cơ sở 06 tháng đầu năm là 2,34 trđ, lương cơ sở 06 tháng cuối năm là 2,53 trđ. Năm 2027 lương cơ sở 12 tháng là 2,53 trđ 	<p>Năm 2025: Kinh phí hỗ trợ tổ chức Tết Lào là 29,2 triệu đồng (200.000đ x 146 người).</p> <p>Năm 2025: 8.556.890.980 đồng</p>	<p>Năm 2026: Kinh phí hỗ trợ tổ chức Tết Lào là 52,8 triệu đồng (300.000đ x 176 người).</p> <p>Năm 2026: 14.502.918.100 đồng, tăng so với năm 2025 với số tiền là 5.946.027.120 đồng</p>	<p>Năm 2027: Kinh phí hỗ trợ tổ chức Tết Lào là 216,6 triệu đồng (600.000đ x 361 người). Kinh phí hỗ trợ sinh viên Lào, Campuchia ở lại Việt Nam trong những ngày Tết cổ truyền Việt Nam dự kiến: 108 người x 3 trđ = 324 triệu đồng.</p> <p>Năm 2027: 21.709.008.500 đồng, tăng so với năm 2025 với số tiền là 13.692.717.520 đồng</p>